

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ LONG XUYÊN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
TỈNH AN GIANG

Bản án số: 101/2018/HNGĐ-ST

Ngày 11/10/2018

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Ông Bùi Phương Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thành Thật

Bà Lê Thị Thanh Vân

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2018 tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 139/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 115/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 88/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25/9/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thạch Thị Ngọc D, sinh năm 1982

Địa chỉ: 238/5, khóm Đông An, phường Đông X, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang – Có mặt.

Bị đơn: Anh Võ Ngọc L, sinh năm 1982

Địa chỉ: 238/5, khóm Đông An, phường Đông X, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/02/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Thạch Thị Ngọc D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh Võ Ngọc L do quen biết nhau trước đã tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND phường

Mỹ X, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang ngày 23/9/2003, hôn nhân lần thứ nhất của cả hai. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, thường hay cự cãi, bất đồng quan điểm sống với nhau mặc dù cả hai đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không khắc phục được và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị D yêu cầu xin ly hôn với anh L.

Về quan hệ con chung: Có 02 con chung chưa trưởng thành tên Võ Ngọc D, sinh ngày 26/9/2001 và Võ Thị Ngọc H, sinh ngày 14/01/2007. Hiện cháu D đang sống với anh L và cháu H đang sống với chị D, khi ly hôn chị D xin được nuôi hai con chung và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Võ Ngọc Lh trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh L, để anh L đến Tòa án giải quyết việc xin ly hôn của chị D nhưng anh L vẫn vắng mặt và không gửi cho Tòa án ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm:

Nguyên đơn chị Thạch Thị Ngọc D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh L. Về con chung: Tại phiên tòa chị xin được nuôi cháu Võ Thị Ngọc H, sinh ngày 14/01/2007 và đồng ý để cháu Võ Ngọc D, sinh ngày 26/9/2001 được sống với anh L theo nguyện vọng của cháu D. Bị đơn anh Võ Ngọc L vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thành phần Hội đồng xét xử cũng như xác định quan hệ tranh chấp, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng trong vụ án đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70; Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị D đối với anh L. Về con chung: Có hai con chung tên Võ Ngọc D và Võ Thị Ngọc H. Cháu D đang sống với anh L và có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với anh L, cháu H hiện đang sống với chị D. Để ổn định cuộc sống các cháu nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho anh L được nuôi dưỡng cháu D và chị D được nuôi dưỡng cháu H. Anh L, chị D không phải cấp dưỡng nuôi con, do cả hai không có yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tranh chấp giữa chị D và anh L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Anh Võ Ngọc L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường Đông Xn, thành phố Long Xuyên nên chị Thạch Thị Ngọc D khởi kiện xin ly hôn với anh L là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn anh Võ Ngọc L đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng trong suốt quá trình Toa án giải quyết vụ án nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Võ Ngọc L.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Thạch Thị Ngọc D với anh Võ Ngọc L là hôn nhân tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND phường Mỹ X, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang ngày 23/9/2003 là phù hợp Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 đây nên được công nhận. Trong quá trình chung sống, chị D cho rằng vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường hay cự cãi, bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp nhau và hiện tại vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh L.

Sau khi xem xét xem xét ý kiến của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy trong cuộc sống vợ chồng anh chị có những mâu thuẫn không thể hàn gắn được, thể hiện qua việc vợ chồng đã sống ly thân, trong thời gian này cả hai chỉ lo cuộc sống cá nhân mà không quan tâm đến nhau, để có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này đã thể hiện mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt nếu tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân này sẽ gây ảnh hưởng không tốt đến cuộc sống của cả hai. Do đó, việc chị D xin ly hôn với anh L là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị D và anh L có hai con chung tên Võ Ngọc D, sinh ngày 26/9/2001 và Võ Thị Ngọc H, sinh ngày 14/01/2007. Các con đều trên bảy tuổi, cháu D có nguyện vọng được sống với anh L và cháu H có nguyện vọng được sống với chị D. Trước đây chị D có nguyện vọng được nuôi hai con nhưng tại phiên tòa chị xin được nuôi cháu H và đồng ý để cháu D được sống với anh L như theo như nguyện vọng của cháu. Trong thời gian

vợ chồng ly thân, các con do anh chị nuôi dưỡng đều phát triển bình thường về tâm sinh lý. Do đó, để ổn định cuộc sống cũng như theo nguyện vọng của các cháu nên việc để cháu D được sống chung với anh L và cháu H được sống chung với chị D là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2004 nên được chấp nhận. Chị D, anh L, cùng các thành viên gia đình chị D, anh L không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con do cả hai không có yêu cầu nên không xét đến.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[6] Về án phí: Chị Thạch Thị Ngọc D phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Thạch Thị Ngọc D và anh Võ Ngọc L được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 235; Điều 266; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 51; Điều 56; Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Thạch Thị Ngọc D và anh Võ Ngọc L.

[2] Về con chung: Giao cháu Võ Thị Ngọc H, sinh ngày 14/01/2007 cho chị Thạch Thị Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Võ Ngọc D, sinh ngày 26/9/2001 cho anh Võ Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D, anh L, cùng các thành viên gia đình chị D, anh L không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D và anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chưa giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và án phí Tòa án: Chị Thạch Thị Ngọc D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp theo biên lai thu số 0005054 ngày 07/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Võ Ngọc L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

(Đã giải thích điều 26 Luật thi hành án dân sự)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- THA TPLX;
- VKS TPLX;
- TAND tỉnh An Giang;
- UBND phường Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Phương Quyền